TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 335/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 170/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Bảo N, sinh năm 1985; CCCD số 046185009908;
Địa chỉ cư trú: Số 59/10 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1984; CCCD số 001084030799
Địa chỉ cư trú: Số 59/10 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Lê Thị Bảo N và ông Nguyễn Tiến N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01/2013, ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn (nay là xã Kim Anh), Thành phố Hà Nội.

[2] Theo đơn yêu cầu nộp ngày 07 tháng 01 năm 2026 và Biên bản ghi thuận tình ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 02 năm 2026, bà N và ông N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Bà N là người

trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn S, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Ngọc Băng T, sinh ngày 30/3/2018; ông N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn H, sinh ngày 08/01/2011 và Nguyễn T, sinh ngày 12/9/2014; về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà N và ông N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi thuận tình ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Lê Thị Bảo N và ông Nguyễn Tiến N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01/2013, ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn (nay là xã Kim Anh), Thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Lê Thị Bảo N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn S, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Ngọc Băng T, sinh ngày 30/3/2018; ông Nguyễn Tiến N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn H, sinh ngày 08/01/2011 và Nguyễn T, sinh ngày 12/9/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tiến N và bà Lê Thị Bảo N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà N và ông N phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0006917 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND.TP.HCM;
- VKSND.TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7;
- UBND xã Kim Anh, TP. Hà Nội;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(*đã ký)*

Nguyễn Minh Hoàng Vương